

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN SA THẦY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 58 /NQ-HĐND

Sa Thầy, ngày 13 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh, bổ sung dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn  
giai đoạn 2021 - 2025 huyện Sa Thầy (Lần 3)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Sa Thầy;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy về điều chỉnh, bổ sung dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Sa Thầy;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy về điều chỉnh, bổ sung dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Sa Thầy (lần 2);*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện tại Tờ trình số 229/TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 về Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Sa Thầy (lần 3); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến tham gia của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện Sa Thầy (có các phụ lục chi tiết kèm theo):



**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khoá XI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 13 tháng 8 năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQ VN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khoá XI;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- Lưu: VT-LT.(L) *Y S*

**CHỦ TỊCH**



**Y Sâm**



Biểu số 01  
**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA HUYỆN SA THẦY**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Dự kiến KH trung hạn GD 2021-2025 tỉnh giao			Dự kiến KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện giao theo NQ số 15/NQ-HĐND ngày 19/5/2021			Dự kiến KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh - lần 3			Tăng, giảm so với NQ số 15/NQ-HĐND ngày 19/5/2021
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			Phân bổ thực hiện	Dự phòng		Phân bổ thực hiện	Dự phòng		Phân bổ thực hiện	Dự phòng	
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1=2+3</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4=5+6</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7=8+9</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10=7-4</b>
	<b>Tổng số</b>	109.776			301.021	301.021		305.401	305.401		4.380
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư trong cân đối NSDP</b>	109.776	109.776		272.684	272.684		274.684	274.684		2.000
1	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	60.931	60.931		60.931	60.931		60.931	60.931		
-	Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND	39.276	39.276		39.276	39.276		39.276	39.276		
-	Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	11.655	11.655		11.655	11.655		11.655	11.655		
-	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách	10.000	10.000		10.000	10.000		10.000	10.000		
2	<b>Nguồn thu tiền sử dụng đất</b>	45.000	45.000		207.908	207.908		207.908	207.908		
3	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)	3.845	3.845		3.845	3.845		3.845	3.845		
4	Nguồn phân cấp, hỗ trợ từ ngân sách tỉnh thực hiện trồng rừng							2.000	2.000		
<b>II</b>	<b>Các nguồn thu được để lại đầu tư (Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư (dự kiến))</b>				14.337	14.337		16.717	16.717		2.380
<b>III</b>	<b>Các chương trình mục tiêu (dự kiến)</b>				14.000	14.000		14.000	14.000		Chi tiết tại biểu số 05



Biểu số 02

**DỰ KIẾN CHI TIẾT KẾ HOẠCH CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA HUYỆN SA THẦY**  
(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy)

DVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến năm 2020		Dự kiến Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 theo NQ số 15/NQ-HĐND ngày 19/5/2021		Điều chỉnh Dự kiến Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 điều chỉnh - lần 3		Ghi chú		
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trđó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
											Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB		Tổng số		Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<b>TỔNG CỘNG</b>						593.114	314.314	32.919	32.919	272.684	272.684	-	274.684	274.684	-	
<b>I</b>	<b>NGUỒN CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTĐ</b>						105.405	105.405	22.919	22.919	60.931	60.931	-	60.931	60.931	-	
<b>I.1</b>	<b>Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh</b>						92.530	92.530	22.919	22.919	39.276	39.276	-	39.276	39.276	-	
<b>1.</b>	<b>Phân bổ thực hiện</b>						92.530	92.530	22.919	22.919	39.276	39.276	-	39.276	39.276	-	
<b>a)</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>						36.400	36.400	22.919	22.919	7.832	7.832	-	7.832	7.832	-	
1	Trường Mầm non Hoa Hồng thị trấn Sa Thầy; Hàng mục: Nhà hiệu bộ, sân vườn và các hạng mục phụ trợ	BQL	TT Sa Thầy		2019-	18/NQ-HĐND 23/7/2019	6.700	6.700	4.500	4.500	1.950	1.950		1.950	1.950		Chưa bao gồm các nguồn vốn ĐTC giai đoạn 2016-2020: 997 triệu nguồn thu tiền sử dụng đất; 1.422 triệu nguồn kết dư NS huyện năm 2018; 2.081 triệu CDNS năm 2020
2	Trường Tiểu học - THCS thị trấn Sa Thầy (Hạng mục: Xây dựng 10 phòng học và các hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy		2019-	15/NQ-HĐND 23/7/2019 388	9.000	9.000	6.904	6.904	1.530	1.530		1.530	1.530		Chưa bao gồm 3.948 triệu nguồn tăng thu NS huyện năm 2018; 2.956 triệu CDNS năm 2020
3	Trường tiểu học-THCS Lê Quý Đôn (nhà học 08 phòng và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy		2020-	05/NQ-HĐND 29/4/2020	5.600	5.600	4.100	4.100	1.250	1.250		1.250	1.250		Chưa bao gồm 4.100 triệu nguồn kết dư ngân sách huyện năm 2019
4	Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng (hạng mục nhà học 06 phòng và mở rộng diện tích theo quy hoạch)	BQL	TT Sa Thầy		2020-	06/NQ-HĐND 29/4/2020	6.500	6.500	4.100	4.100	2.150	2.150		2.150	2.150		Chưa bao gồm 4.100 triệu nguồn kết dư ngân sách huyện năm 2019
5	Xây dựng công viên cây xanh trước hội trường 19/5	BQL	TT Sa Thầy		2020-	07/NQ-HĐND 29/4/2020	8.600	8.600	3.315	3.315	952	952		952	952		Chưa bao gồm 3.315 triệu nguồn kết dư năm 2019; 4.333 triệu nguồn thu tiền sử dụng đất
<b>b)</b>	<b>Các dự án khởi công mới đoạn 2021 - 2025</b>						56.130	56.130	-	-	31.444	31.444	-	31.444	31.444	-	
<b>(I)</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025</b>						56.130	56.130	-	-	31.444	31.444	-	31.444	31.444	-	
1	Trường TH - THCS xã Sa Sơn (Hạng mục: 04 phòng học và các hạng mục phụ trợ)	BQL	Xã Sa Sơn		2022-		2.400	2.400			2.400	2.400		2.400	2.400		
2	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Cù Chính Lan đến Hát Kiểm Lâm)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	42/NQ-HĐND 18/12/2020	12.700	12.700			2.700	2.700		2.700	2.700		Chưa bao gồm 10.000 triệu nguồn thu sử dụng đất
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy Sa Thầy và các hạng mục phụ trợ	VPHU	TT Sa Thầy		2022-		6.200	6.200			4.200	4.200		4.200	4.200		Chưa bao gồm 2.000 triệu nguồn thu sử dụng đất
4	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Bể Văn Đàn đến đường Lê Duẩn)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	43/NQ-HĐND 18/12/2020; 12/NQ-HĐND ngày 19/5/2021	7.800	7.800			1.500	1.500		1.500	1.500		Chưa bao gồm 6.300 triệu nguồn thu sử dụng đất
5	Trường Mầm non Hoa Mí, thị trấn Sa Thầy; Hàng mục: Nhà học 04 phòng, nhà hiệu bộ, nhà ăn, bếp và các hạng mục phụ trợ	BQL	TT Sa Thầy		2022-		6.700	6.700			3.514	3.514		3.514	3.514		Chưa bao gồm 3.186 triệu nguồn thu sử dụng đất
6	Hỗ trợ công an huyện công tác GPMB để xây dựng trụ sở	BQL	TT Sa Thầy		2022-		5.000	5.000			5.000	5.000		5.000	5.000		
7	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo	BQL	TT Sa Thầy		2022-		15.330	15.330			5.330	5.330		5.330	5.330		Chưa bao gồm 10.000 triệu nguồn hỗ trợ cấp bách
8	Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng (hạng mục nhà học 8 phòng và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	39/NQ-HĐND 18/12/2020	9.800	9.800			2.000	2.000		2.000	2.000		Chưa bao gồm 6.000 triệu nguồn tăng thu, kết dư; 1.800 triệu nguồn thu sử dụng đất
9	Trường Tiểu học -THCS Lê Quý Đôn (Nhà ăn, bếp và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	40/NQ-HĐND 18/12/2020	3.500	3.500			1.000	1.000		1.000	1.000		Chưa bao gồm 2.000 triệu nguồn tăng thu, kết dư; 500 triệu nguồn thu sử dụng đất

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến năm 2020		Dự kiến Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 theo NQ số 15/NQ-HĐND ngày 19/5/2021		Điều chỉnh Dự kiến Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 điều chỉnh lần 3		Ghi chú	
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trđó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
											Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB		Tổng số		Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
10	Đầu tư kết cấu hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường Điện Biên Phủ và đường Trần Quốc Toản, thị trấn Sa Thầy	BQL	TT Sa Thầy		2021-	01/NQ-HĐND 14/01/2021	52.000	52.000			3.800	3.800		3.800	3.800	Chưa bao gồm 48.200 triệu đồng nguồn thu sử dụng đất
(2)	Các dự án hoàn thành sau năm 2025															
1.2	Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)						12.875	12.875			11.655	11.655	-	11.655	11.655	-
1.	Phân bổ thực hiện						12.875	12.875			11.655	11.655	-	11.655	11.655	-
a)	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025															
b)	Các dự án khởi công mới đoạn 2021 - 2025						12.875	12.875			11.655	11.655	-	11.655	11.655	-
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025						12.875	12.875			11.655	11.655	-	11.655	11.655	-
1	Xã Sa Sơn		Xã Sa Sơn		2022-		755	755			755	755		755	755	
2	Xã Sa Nhơn		Xã Sa Nhơn		2022-		755	755			755	755		755	755	
3	Xã Sa Nghĩa		Xã Sa Nghĩa		2021-		755	755			755	755		755	755	
-	Trường Tiểu học - THCS xã Sa Nghĩa, hạng mục: Nhà học 02 phòng	UBND Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2021-	10/NQ-HĐND 19/5/2021	600	600			450	450		450	450	Chưa bao gồm 150 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT
-	Dự án khác		Xã Sa Nghĩa		2022						305	305		305	305	Chưa bao gồm 95 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT
4	Xã Sa Bình		Xã Sa Bình		2021-		2.500	2.500			1.880	1.880		1.880	1.880	
-	Trường PT DTBT THCS Hai Bà Trưng (Hạng mục: 04 phòng học và các hạng mục phụ trợ)	BQL	Xã Sa Bình		2021-	44/NQ-HĐND 18/12/2020	2.500	2.500			1.880	1.880		1.880	1.880	Chưa bao gồm 620 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT
5	Xã Hơ Moong		Xã Hơ Moong		2022-		1.880	1.880			1.880	1.880		1.880	1.880	
6	Xã Ya Xiêr		Xã Ya Xiêr		2022-		1.126	1.126			1.126	1.126		1.126	1.126	
7	Xã Ya Ly		Xã Ya Ly		2022-		1.126	1.126			1.126	1.126		1.126	1.126	
8	Xã Ya Tăng		Xã Ya Tăng		2022-		1.126	1.126			1.126	1.126		1.126	1.126	
9	Xã Rờ Kơi		Xã Rờ Kơi		2022-		1.126	1.126			1.126	1.126		1.126	1.126	
10	Xã Mô Rai		Xã Mô Rai		2022-		1.126	1.126			1.126	1.126		1.126	1.126	
(2)	Các dự án hoàn thành sau năm 2025															
2.	Dự phòng chưa phân bổ															
1.3	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách						15.330	15.330			10.000	10.000		10.000	10.000	
1	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo		TT Sa Thầy		2022-		15.330	15.330			10.000	10.000		10.000	10.000	Chưa bao gồm 5.330 triệu đồng nguồn CĐNSDP
II.	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG CÂN ĐỐI						472.922	194.122	10.000	10.000	207.908	207.908	-	207.908	207.908	-
1.	Phân bổ thực hiện						472.922	194.122	10.000	10.000	207.908	207.908	-	207.908	207.908	-
a)	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						75.000	40.000	10.000	10.000	40.000	40.000		40.000	40.000	
2	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy	BQL	Xã Mô Rai		2020-	07/NQ-HĐND 17/4/2020 HĐND tỉnh	75.000	40.000	10.000	10.000	40.000	40.000		40.000	40.000	Chưa bao gồm 35.000 triệu NS tỉnh hỗ trợ
c)	Các dự án khởi công mới đoạn 2021 - 2025						380.200	138.400	-	-	152.186	152.186	-	152.186	152.186	-
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025						380.200	138.400	-	-	152.186	152.186	-	152.186	152.186	-
1	Xây dựng trụ sở Hat kiểm lâm (Hoàn đổi trụ sở Hat kiểm lâm cũ đã điều chuyển về cho UBND huyện quản lý)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	41/NQ-HĐND 18/12/2020	4.000	4.000	-	-	4.000	4.000		4.000	4.000	

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến năm 2020		Dự kiến Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 theo NQ số 15/NQ-HĐND ngày 19/5/2021				Điều chỉnh Dự kiến Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 điều chỉnh - lần 3				Ghi chú		
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trđó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
											Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB				Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
2	Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến nhà máy thủy điện Ia Ly	BQL	H. Sa Thầy		2021-	38/QĐ-TTg 10/01/2018 của TTCP	318.000	76.200			76.200	76.200	76.200	76.200	76.200	76.200	Chưa bao gồm 241.800 triệu đồng nguồn hỗ trợ ngân sách Trung ương				
3	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Cù Chính Lan đến Hat Kiếm Lâm)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	42/NQ-HĐND 18/12/2020	12.700	12.700			10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	Chưa bao gồm 2.700 triệu đồng nguồn cân đối NSDP				
4	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Bê Văn Đàn đến đường Lê Duẩn)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	43/NQ-HĐND 18/12/2020; 12/NQ-HĐND ngày 19/5/2021	7.800	7.800			6.300	6.300	6.300	6.300	6.300	6.300	Chưa bao gồm 1.500 triệu nguồn cân đối ngân sách địa phương				
5	Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng (hạng mục nhà học 8 phòng và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	39/NQ-HĐND 18/12/2020	9.800	9.800			1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	Chưa bao gồm 6.000 triệu nguồn tăng thu, kết dư, 2.000 nguồn cân đối NSDP				
6	Trường Tiểu học -THCS Lê Quý Đôn (Nhà ăn, bếp và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	40/NQ-HĐND 18/12/2020	3.500	3.500			500	500	500	500	500	500	Chưa bao gồm 2.000 triệu nguồn tăng thu, kết dư, 1.000 nguồn cân đối NSDP				
7	Đầu tư kết cấu hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường Điện Biên Phủ và đường Trần Quốc Toàn, thị trấn Sa Thầy	BQL	TT Sa Thầy		2021-	01/NQ-HĐND 14/01/2021	52.000	52.000			48.200	48.200	48.200	48.200	48.200	48.200	Chưa bao gồm 3.800 triệu nguồn cân đối NSDP				
8	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy Sa Thầy và các hạng mục phụ trợ	VPHU	TT Sa Thầy		2022-		6.200	6.200			2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	Chưa bao gồm 4.200 triệu nguồn cân đối NSDP				
9	Trường Mầm non Hoa Mĩ, thị trấn Sa Thầy; Hạng mục: Nhà học 04 phòng, nhà hiệu bộ, nhà ăn, bếp và các hạng mục phụ trợ	BQL	TT Sa Thầy		2022-		6.700	6.700			3.186	3.186	3.186	3.186	3.186	3.186	Chưa bao gồm 3.514 triệu nguồn cân đối NSDP				
(2)	Các dự án hoàn thành sau năm 2025																				
(3)	Nguồn thu sử dụng đất trong cân đối được để lại cho cấp xã (để duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng; hỗ trợ làm đường hẻm, đường giao thông nông thôn...)																				
	Thị trấn	Thị trấn	Thị trấn				7.000	7.000			7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000					
	Xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa				150	150			150	150	150	150	150	150					
	Xã Sa Bình	Xã Sa Bình	Xã Sa Bình				150	150			150	150	150	150	150	150					
	Xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn				150	150			150	150	150	150	150	150					
	Xã Sa Nhơn	Xã Sa Nhơn	Xã Sa Nhơn				150	150			150	150	150	150	150	150					
	Xã Ya Ly	Xã Ya Ly	Xã Ya Ly				150	150			150	150	150	150	150	150					
	Xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr				150	150			150	150	150	150	150	150					
	Xã Rơ Koi	Xã Rơ Koi	Xã Rơ Koi				150	150			150	150	150	150	150	150					
	Xã Mô Rai	Xã Mô Rai	Xã Mô Rai				4.522	2.522			150	150	150	150	150	150					
	Xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong				150	150			2.522	2.522	2.522	2.522	2.522	2.522					
(4)	Chỉ công tác đo đạc, quản lý đất đai																				
2.	Dự phòng chưa phân bổ																				
					2021-		5.000	5.000			5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000					

**BIỂU SỐ 03**

**NGUỒN VỐN TỈNH PHÂN CẤP ĐẦU TƯ CHO HUYỆN TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM 2021-2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy)*

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Đơn vị	Tổng số	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg				Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)	Ghi chú
			Tổng	Trong đó					
				Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND	Phân cấp hỗ trợ nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách			
1	Huyện Sa Thầy	109.776	60.931	39.276	11.655	10.000	45.000	3.845	



Biểu số 04

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỪ NGUỒN THU DẸ LẠI ĐẦU TƯ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến năm 2020		Dự kiến Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 theo NQ số 15/NQ-HĐND ngày 19/5/2021			Điều chỉnh Dự kiến Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 điều chỉnh - lần 3			Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trđó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
											Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<b>TỔNG CỘNG</b>						42.374	42.374	-	-	14.337	14.337	-	16.717	16.717	-	
I	<b>NGUỒN TĂNG THU</b>						21.900	21.900			12.000	12.000		12.000	12.000		
1	Phân bổ thực hiện						21.900	21.900			12.000	12.000		12.000	12.000		
a)	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025										12.000	12.000		12.000	12.000		
b)	Các dự án khởi công mới đoạn 2021 - 2025																
1	Xây dựng công viên cây xanh trước hội trường 19/5	BQL	TT Sa Thầy		2020-	07/NQ-HĐND 29/4/2020	8.600	8.600			4.000	4.000		4.000	4.000		Chưa bao gồm 3.315 nguồn kết dư, 952 triệu đồng nguồn CĐNS Năm 2021
2	Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng (hạng mục nhà học 8 phòng và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	39/NQ-HĐND 18/12/2020	9.800	9.800			6.000	6.000		6.000	6.000		Chưa bao gồm 1.800 triệu đồng nguồn thu sử dụng đất, 2000 triệu đồng nguồn cân đối NSDP
3	Trường Tiểu học -THCS Lê Quý Đôn (Nhà ăn, bếp và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	40/NQ-HĐND 18/12/2020	3.500	3.500			2.000	2.000		2.000	2.000		Chưa bao gồm 500 triệu đồng tiền thu sử dụng đất, 1.000 triệu đồng nguồn cân đối NSDP
2.	Dự phòng chưa phân bổ																
II	<b>NGUỒN TIẾT KIỆM CHI</b>						12.012	12.012			2.337	2.337		2.337	2.337		
1	Phân bổ thực hiện						12.012	12.012			2.337	2.337		2.337	2.337		
a)	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025										2.337	2.337		2.337	2.337		
b)	Các dự án khởi công mới đoạn 2021 - 2025																
-	Trường Tiểu học Lê Văn Tám, hạng mục: Nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	BQL	Xã Sa Bình		2021-	08/NQ-HĐND ngày 19/5/2021	2.000	2.000			2.000	2.000		2.000	2.000		
-	Sửa chữa nhỏ các hạng mục, hệ thống nhà vệ sinh, cấp nước sạch các trường học trên địa bàn huyện Sa Thầy	P.GD&ĐT	Huyện Sa Thầy		2021	11/NQ-HĐND ngày 19/5/2021	1.050	1.050			137	137		137	137		
-	Sửa chữa hàng rào và các hạng mục phụ trợ trong khuôn viên UBND huyện	VP HĐND-UBND	Thị trấn		2021	13/NQ-HĐND ngày 19/5/2021	500	500			200	200		200	200		
2.	Dự phòng chưa phân bổ																



Biểu số 05

**DỰ KIẾN NGUỒN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bỏ tri đến năm 2020		Nhu cầu Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025		Dự kiến Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025		Ghi chú		
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trđó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
											Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB		Tổng số		Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<b>TỔNG CỘNG</b>						14.000	14.000	-	-	14.000	14.000	-	14.000	14.000	-	
1	Phân bổ thực hiện						14.000	14.000			14.000	14.000		14.000	14.000		
a)	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																
b)	Các dự án khởi công mới đoạn 2021 - 2025						14.000	14.000			14.000	14.000		14.000	14.000		
1	Trường THCS Phan Đình Phùng (hạng mục nhà học 8 phòng 2 tầng, nhà học 6 phòng 2 tầng và hạng mục phụ trợ)	BQL	Xã Hư Moong		2023-		14.000	14.000			14.000	14.000		14.000	14.000		
2.	Dự phòng chưa phân bổ																

